

Bản án số: 09/2018/HS-PT
Ngày: 09/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Phạm Trí Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 383/2017/HSPT-TL ngày 28 tháng 07 năm 2017 đối với bị cáo Lê Thu Đ;

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HS-ST ngày 16/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thu Đ, sinh ngày 03/11/1978 tại Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Bưu điện; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Đ, sinh năm 1935 (chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935 (chết năm 2015); chồng Trần Thanh H sinh năm 1978; con 02 người lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/CSĐT-PC44 ngày 30/3/2016 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thu Đ: Luật sư Nguyễn Thị H, Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Mỹ L không có kháng cáo, không bị kháng nghị; người bị hại, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tổng Công ty Bưu chính V là doanh nghiệp 100% vốn của Nhà nước, hoạt động chuyên về Bưu chính, hạch toán kinh tế độc lập. Ngày 16 tháng 11 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1746/QQĐ – TTg về việc chuyển quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty Bưu chính V từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông V về Bộ Thông tin và Truyền thông. Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông V và Bộ Thông tin và Truyền thông thành Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông V, được đổi tên thành Tổng Công ty Bưu điện V.

- Bưu điện huyện Đ trực thuộc Bưu điện tỉnh B được thành lập theo Quyết định số 837/QĐ - BĐVN, ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bưu điện V; Bưu điện huyện Đ được cấp giấy chứng nhận hoạt động, kinh doanh nhiều lĩnh vực; trong đó có kinh doanh dịch vụ tài chính, ngân hàng, các dịch vụ tài chính bưu chính.

Nguyễn Mỹ L là Tổ trưởng Tổ Bưu chính – phát hành bưu chính của Bưu điện huyện Đ, Lê Thu Đ là giao dịch viên Bưu cục Cây Giang thuộc Bưu điện huyện Đ. Nhiệm vụ của L và Đ là trực tại bộ phận giao dịch, tiến hành nhận, gửi bưu phẩm, bưu kiện (nhận gửi thư và gửi quà), phát hành báo chí (nhận đặt báo), chuyển tiền, thu hộ tiền và chi hộ tiền cho các Công ty tài chính đã ký hợp đồng với Tổng Công ty B.

** Đối với hành vi “Tham ô tài sản”:*

Trong quá trình thực hiện công vụ được giao, Nguyễn Mỹ L và Lê Thu Đ trực tiếp quản lý các khoản tiền như: Tiền doanh thu, tiền phát hành bưu chính (viết tắt là PHBC), tiền thu phí chuyển tiền (gọi tắt là COD), L và Đ đã chiếm

đoạt tiền chi xài cá nhân dẫn đến thâm hụt không đủ tiền nộp lại cho Thủ quỹ khi hết ca trực.

Ngày 14 tháng 12 năm 2015, L điện thoại cho Đ bàn bạc thống nhất phát hành phiếu chuyển tiền không, để lấy tiền nộp lại cho Thủ quỹ Bưu điện huyện Đ. Để thực hiện được, L nhờ Đ cung cấp thông tin cá nhân anh Trần Thanh H là chồng của Đ để L phát hành phiếu chuyển tiền với số tiền sẽ chuyển là 179.000.000 đồng. Đ cũng nhờ L cung cấp cho Đ thông tin cá nhân của người nhận tiền, Đ nói với L số tiền Đ sẽ chuyển là 100.000.000 đồng, khi người nhận được tiền, đưa L giữ để nộp hộ về Bưu điện huyện Đ cho Đ.

Sáng ngày 15 tháng 12 năm 2015, Nguyễn Mỹ L đã phát hành 03 phiếu chuyển tiền với tổng số tiền là 409.000.000 đồng, Lê Thu Đ phát hành 02 phiếu chuyển tiền với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Phiếu chuyển tiền, đối với mục tên người gửi tiền thì các bị cáo điền không, còn ở mục người nhận tiền thì họ tên, số chứng minh nhân dân là thật, cụ thể như sau:

Đối với các phiếu chuyển tiền của Nguyễn Mỹ L:

- Một phiếu chuyển tiền có ký hiệu số 9650014240 người gửi là Trần Phương Thùy, địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau người nhận là Trần Thanh H, địa chỉ: đường N, Khóm 2, Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; số tiền chuyển là 179.000.000 đồng.

- Hai phiếu chuyển tiền: Một phiếu ký hiệu số 9650014241 với số tiền 45.000.000 đồng và một phiếu ký hiệu số 9650014245 với số tiền 185.000.000 đồng, người gửi là Quách Trương T, địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; người nhận tiền là Quách Trương T, địa chỉ: đường N, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đối với các phiếu chuyển tiền của Lê Thu Đ: Ký hiệu số 9650016468 và số 9650016469, người gửi tiền là Lê Mỹ P, địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; người nhận tiền là Trần Bé C nhân viên Mobiphone, địa chỉ: đường L, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau, số tiền chuyển của mỗi phiếu là 50.000.000 đồng. Ngoài ra, Đ còn phát hành một phiếu chuyển tiền 18.000.000 đồng, nhưng do Bưu cục T, tỉnh Cà Mau chưa có tiền chi nên Đ yêu cầu chuyển trả.

Sau khi phát hành 03 phiếu chuyển tiền, L điện thoại cho Đ nhờ anh Trần Thanh H nhận 179.000.000 đồng; điện thoại nhờ Quách Trương T nhận

230.000.000 đồng; nhờ Trần Bé C nhận 100.000.000 đồng tại Bưu điện tỉnh C. Đối với tiền anh H nhận thì L đến gặp Đ nhận lại; còn tiền anh T nhận, L kêu T đưa cho bà Nguyễn Tú T 80.000.000 đồng, còn lại nộp vào tài khoản số 7207205034992 của L mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đ; số tiền chị Trần Bé C nhận do Đ chuyển, chị C cũng nộp hết vào tài khoản của L vừa nêu. Khi có tiền trong tài khoản thì L đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đ rút 250.000.000 đồng cộng với số tiền nhận từ anh H và của L có, L bàn giao tiền mặt lại cho Thủ quỹ Bưu điện huyện Đ tổng số tiền là 474.000.000 đồng.

Do L và Đ phát hành 05 phiếu chuyển tiền với số tiền là 509.000.000 đồng, nhưng L và Đ không nộp tiền về, từ đó hệ thống máy tính mạng viễn thông của Bưu điện báo nợ nên Tổng Công ty Bưu điện chỉ đạo cho Bưu điện tỉnh Bạc Liêu thanh tra Bưu điện huyện Đ.

Ngày 18 tháng 12 năm 2015, Đoàn Thanh tra của Tổng Công ty Bưu điện V đến Bưu cục C kiểm tra; ngoài số tiền Đ trực tiếp phát hành phiếu chiếm đoạt 100.000.000 đồng, Đ còn có hành vi chiếm đoạt 111.665.400 đồng.

Ngày 19 tháng 12 năm 2015, Đoàn Thanh tra của Tổng Công ty Bưu điện V đến Bưu điện huyện Đ kiểm tra phát hiện ngoài số tiền L trực tiếp phát hành phiếu chuyển tiền không 409.000.000 đồng, L còn chiếm đoạt 73.739.660 đồng.

** Đối với hành vi “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”:*

Ngày 17 tháng 12 năm 2015, Lê Thu Đ được điều chuyển công tác về Bưu điện huyện Đ, sau đó được Giám đốc Bưu điện huyện Đ phân công tăng cường về Bưu cục Kênh 4. Tại đây, từ ngày 11 tháng 01 năm 2016 đến ngày 16 tháng 01 năm 2016, Lê Thu Đ mặc dù không được giao nhiệm vụ nhận tiền thu hộ, nhưng đã lợi dụng danh nghĩa là nhân viên của Bưu cục để nhận thu hộ của khách hàng với tổng số tiền là 73.756.000 đồng, nhưng không nhập dữ liệu vào hệ thống Paypost (chuyển trả cho bên thụ hưởng là các Công ty Tài chính mà Bưu điện ký hợp đồng thu hộ), mà chiếm đoạt, cụ thể:

- Ngày 11/01/2016, nhận của 06 khách hàng với tổng số tiền 13.251.000 đồng.
- Ngày 12/01/2016, nhận của 14 khách hàng với số tiền 20.916.000 đồng.
- Ngày 14/01/2016, nhận của 07 khách hàng với số tiền 12.781.000 đồng.

- Ngày 16/01/2016, nhận của 21 khách hàng với số tiền 26.808.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 16/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thu Đ phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 278; các Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18; Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

-Xử phạt bị cáo Lê Thu Đ 05 (năm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 280; các Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

-Xử phạt bị cáo Lê Thu Đ 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Thu Đ phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt của bị cáo Nguyễn Mỹ L, phần các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vào ngày 20/6/2017, bị cáo Lê Thu Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày yêu cầu và lý do kháng cáo như sau:

-Bị cáo kháng cáo, xin giảm hình phạt cả hai tội, lý do là hoàn cảnh gia đình của bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo có con còn nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: -kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, là hợp lệ;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

-Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thu Đ 05 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và 02 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, là có căn cứ pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới.

Với những ý kiến nói trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến như sau:

-Luật sư không có ý kiến về tội danh;

-Về hình phạt, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để có thể giảm nhẹ hơn nữa hình phạt cho bị cáo.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nói trên.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

[1] Tổng Công ty Bưu chính V là doanh nghiệp 100% vốn của Nhà nước, hoạt động chuyên về Bưu chính, hạch toán kinh tế độc lập. Ngày 16 tháng 11 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1746/QQĐ – TTg về việc chuyển quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty Bưu chính V từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông V về Bộ Thông tin và Truyền thông. Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông V và Bộ Thông tin và Truyền thông thành Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông V, được đổi tên thành Tổng Công ty Bưu điện V.

Bưu điện huyện Đ trực thuộc Bưu điện tỉnh B được thành lập theo Quyết định số 837/QĐ - BĐVN, ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Tổng Công ty Bưu điện V là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bưu điện V; Bưu điện

huyện Đ được cấp giấy chứng nhận hoạt động, kinh doanh nhiều lĩnh vực; trong đó có kinh doanh dịch vụ tài chính, ngân hàng, các dịch vụ tài chính bưu chính.

[2] Nguyễn Mỹ L là Tổ trưởng Tổ Bưu chính – phát hành bưu chính của Bưu điện huyện Đ; Lê Thu Đ là giao dịch viên Bưu cục Cây Giang thuộc Bưu điện huyện Đ. Nhiệm vụ của L và Đ là trực tại bộ phận giao dịch, tiến hành nhận, gửi bưu phẩm, bưu kiện (nhận gửi thư và gửi quà), phát hành báo chí (nhận đặt báo), chuyển tiền, thu hộ tiền và chi hộ tiền cho các Công ty tài chính đã ký hợp đồng với Tổng Công ty Bưu điện.

Về hành vi “Tham ô tài sản”:

Trong quá trình thực hiện công vụ được giao (khoảng thời gian giữa tháng 12/2015), Nguyễn Mỹ L và Lê Thu Đ trực tiếp quản lý các khoản tiền như: Tiền doanh thu, tiền phát hành bưu chính (viết tắt là PHBC), tiền thu phí chuyển tiền (gọi tắt là COD), L và Đ đã chiếm đoạt tiền chi xài cá nhân dẫn đến thâm hụt không đủ tiền nộp lại cho Thủ quỹ khi hết ca trực.

Kết quả điều tra xác định bị cáo Lê Thu Đ đã chiếm đoạt số tiền 408.665.400 đồng, trong đó bị cáo trực tiếp chiếm đoạt số tiền 211.665.400 đồng; bị cáo giúp sức cho bị cáo Nguyễn Mỹ L chiếm đoạt số tiền 179.000.000 đồng; phạm tội chưa đạt trong việc chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng (bị cáo phát hành phiếu chuyển tiền không nhưng do Bưu cục T, tỉnh Cà Mau chưa có tiền để trả nên số tiền đã chuyển trả lại);

Về hành vi “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”:

Ngày 17 tháng 12 năm 2015, Lê Thu Đ được điều chuyển công tác về Bưu điện huyện Đ, sau đó được Giám đốc Bưu điện huyện Đ phân công tăng cường về Bưu cục Kênh 4. Tại đây, từ ngày 11 tháng 01 năm 2016 đến ngày 16 tháng 01 năm 2016, Lê Thu Đ mặc dù không được giao nhiệm vụ nhận tiền thu hộ, nhưng đã lợi dụng danh nghĩa là nhân viên của Bưu cục để nhận thu hộ của khách hàng với tổng số tiền là 73.756.000 đồng, nhưng không nhập dữ liệu vào hệ thống Paypost (chuyển trả cho bên thụ hưởng là các Công ty Tài chính mà Bưu điện ký hợp đồng thu hộ), mà chiếm đoạt số tiền này.

Với những tài liệu, chứng cứ nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận rằng bị cáo Lê Thu Đ đã phạm tội “Tham ô tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 278 và phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm

đoạt tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

[3] Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho phép kể từ ngày 01/01/2018 trở đi, được áp dụng các điều, khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử các hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nếu các điều, khoản đó quy định hình phạt nhẹ hơn.

So sánh các điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội “Tham ô tài sản” và “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” thì thấy như sau:

-Phạm tội “Tham ô tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng) sẽ bị xử phạt từ 15 năm đến 20 năm tù. So sánh với quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người nào phạm tội “Tham ô tài sản” mà tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 100.000.000 đồng cho đến dưới 500.000.000 đồng chỉ bị xử phạt từ 07 năm cho đến 15 năm tù;

-Phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) sẽ bị xử phạt từ 05 năm đến 13 năm tù. So sánh với quy định tại Khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người nào phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” mà tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng cho đến dưới 100.000.000 đồng chỉ bị xử phạt từ 01 năm cho đến 06 năm tù.

Như vậy, nếu so sánh hình phạt của tội “Tham ô tài sản” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và của Bộ luật Hình sự năm 2015 trong trường hợp phạm tội cụ thể của bị cáo Lê Thu Đ nói trên, thì hình phạt quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn, nên sẽ được áp dụng ngay trong việc xét xử bị cáo Lê Thu Đ.

Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thu Đ, Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vận dụng quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/06/2016 của Quốc hội

để xử phạt bị cáo Lê Thu Đ hình phạt theo nội dung của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ pháp luật.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; gia đình bị cáo có người thân là người có công với đất nước; thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; có một phần phạm tội chưa đạt trong tội “Tham ô tài sản” (18.000.000 đồng) nên đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b, s Khoản 1 của Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, do có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên bị cáo cũng được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định đối với tội “Tham ô tài sản”;

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo phạm tội nhiều lần nên thuộc vào trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét và đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, nên đã xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Tham ô tài sản”; xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về phần viện dẫn điều luật tại phần quyết định của bản án sơ thẩm:

-Bản án sơ thẩm viện dẫn cả những điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và những điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Thu Đ. Điều này là chưa đúng bởi vì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật (Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/06/2016 của Quốc hội chỉ cho phép Tòa án áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội theo Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015). Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa lại phần viện dẫn điều luật áp dụng đối với bị cáo Lê Thu Đ.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 345 và Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thu Đ; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 16/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lê Thu Đ, như sau (có sửa lại về phần viện dẫn điều luật đối với bị cáo):

1.1/Tuyên bố bị cáo Lê Thu Đ phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 353; các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

-Xử phạt bị cáo Lê Thu Đ 05 (năm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 355; các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

-Xử phạt bị cáo Lê Thu Đ 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Thu Đ phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí hình sự phúc thẩm: -bị cáo Lê Thu Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- CA tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo tại ngoại (1);
- UBND xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (1b);
- Lưu (3). HS (2). 14b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng